



Vietnam

Add value.
Inspire trust.

Phiếu kết quả thử nghiệm số VNT/F20/032196P1
Ngày 31/03/2020

Tên khách hàng : NHÀ MÁY SỮA ĐÀU NÀNH VIỆT NAM VINASOY – CHI NHÁNH
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG QUẢNG NGÃI
Số 02 Nguyễn Chí Thanh, Phường Quảng Phú, TP. Quảng Ngãi, Tỉnh
Quảng Ngãi, Việt Nam.

Ngày nhận mẫu : 24/03/2020 (11:30)

Nhiệt độ bề mặt của mẫu khi nhận : Nhiệt độ phòng

Mô tả tình trạng mẫu khi nhận : Mẫu dạng lỏng chứa trong hộp giấy kín nguyên vẹn

Thời gian thử nghiệm : 24/03/2020 – 31/03/2020

Tên mẫu : Sữa đậu nành Fami nguyên chất

Ghi chú: Mẫu gửi không được lấy bởi Phòng thử nghiệm
Thông tin được cung cấp bởi khách hàng.
Thời gian lưu mẫu 1 tuần sau khi phát hành báo cáo thử nghiệm
Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử

Kiểm tra

Hoàng Thị Hải Yến

Phó phòng thử nghiệm

Phê duyệt

Nguyễn Thị Chân

Trưởng phòng thử nghiệm

Lưu ý: Báo cáo thử nghiệm được tạo trên máy tính. Do đó chữ ký gốc không bắt buộc. Mọi thắc mắc về kỹ thuật, vui lòng liên hệ chị Chân qua email: chan.nguyen@tuv-sud.vn và nếu có khiếu nại, vui lòng liên hệ chị Thủy qua email: ngoc-thuy.ngo@tuv-sud.vn.

Lưu ý: (1) Các điều khoản và điều kiện chung như đã đề cập ở trên, (2) Các kết quả chỉ liên quan đến các hạng mục được kiểm tra, (3) Không được sao chép báo cáo thử nghiệm trừ trường hợp có sự chấp thuận bằng văn bản của phòng thí nghiệm.

Phòng thử nghiệm:
Công ty TNHH TUV SUD Việt Nam
Lô III-26, Đường 19/5A, Nhóm Công Nghiệp III,
KCN Tân Bình, Phường Tây Thạnh,
Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Điện thoại: 084-8-6267 8506
Fax: 084-8-6267 8511
E-Mail: chan.nguyen@tuv-sud.vn
Websss: www.tuv-sud.vn

Văn phòng:
Công ty TNHH TUV SUD Việt Nam
Lô III-26, Đường 19/5A, Nhóm Công Nghiệp III,
KCN Tân Bình, Phường Tây Thạnh,
Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Phiếu kết quả thử nghiệm số VNT/F20/032196P1
Ngày 31/03/2020

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp	Kết quả	Giới hạn phát hiện
1.	2,4 - D	mg/Kg	TPV-LAB-FTP-296 (Ref. BS EN 15662:2018)	Không phát hiện	0.01
2.	Acephate	mg/Kg	TPV-LAB-FTP-296 (Ref. BS EN 15662:2018)	Không phát hiện	0.01
3.	Aldicarb	mg/Kg	TPV-LAB-FTP-296 (Ref. BS EN 15662:2018)	Không phát hiện	0.01
4.	Azinphos-Methyl	mg/Kg	TPV-LAB-FTP-296 (Ref. BS EN 15662:2018)	Không phát hiện	0.01
5.	Azoxystrobin	mg/Kg	TPV-LAB-FTP-296 (Ref. BS EN 15662:2018)	Không phát hiện	0.01
6.	Bentazone	mg/Kg	TPV-LAB-FTP-296 (Ref. BS EN 15662:2018)	Không phát hiện	0.01
7.	Benzovindiflupyr	mg/Kg	TPV-LAB-FTP-296 (Ref. BS EN 15662:2018)	Không phát hiện	0.01
8.	Carbaryl	mg/Kg	TPV-LAB-FTP-296 (Ref. BS EN 15662:2018)	Không phát hiện	0.01
9.	Carbendazim	mg/Kg	TPV-LAB-FTP-296 (Ref. BS EN 15662:2018)	Không phát hiện	0.01
10.	Chlorantraniliprole	mg/Kg	TPV-LAB-FTP-296 (Ref. BS EN 15662:2018)	Không phát hiện	0.01
11.	Chlorpyrifos	mg/Kg	TPV-LAB-FTP-296 (Ref. BS EN 15662:2018)	Không phát hiện	0.01
12.	Clethodim	mg/Kg	TPV-LAB-FTP-296 (Ref. BS EN 15662:2018)	Không phát hiện	0.01
13.	Cycloxydim	mg/Kg	TPV-LAB-FTP-296 (Ref. BS EN 15662:2018)	Không phát hiện	0.01
14.	Cyfluthrin/ beta-cyfluthrin	mg/Kg	TPV-LAB-FTP-296 (Ref. BS EN 15662:2018)	Không phát hiện	0.01
15.	Cyproconazole	mg/Kg	TPV-LAB-FTP-296 (Ref. BS EN 15662:2018)	Không phát hiện	0.01
16.	Diazinon	mg/Kg	TPV-LAB-FTP-296 (Ref. BS EN 15662:2018)	Không phát hiện	0.01
17.	Dicamba	mg/Kg	TPV-LAB-FTP-296 (Ref. BS EN 15662:2018)	Không phát hiện	0.01
18.	Difenoconazole	mg/Kg	TPV-LAB-FTP-296 (Ref. BS EN 15662:2018)	Không phát hiện	0.01
19.	Dimethenamid- P	mg/Kg	TPV-LAB-FTP-296 (Ref. BS EN 15662:2018)	Không phát hiện	0.01
20.	Diquat	mg/Kg	TPV-LAB-FTP-296 (Ref. BS EN 15662:2018)	Không phát hiện	0.1
21.	Endosulfan	mg/Kg	TPV-LAB-FTP-296 (Ref. BS EN 15662:2018)	Không phát hiện	0.01
22.	Fenitrothion	mg/Kg	TPV-LAB-FTP-296 (Ref. BS EN 15662:2018)	Không phát hiện	0.01
23.	Fenpropathrin	mg/Kg	TPV-LAB-FTP-296 (Ref. BS EN 15662:2018)	Không phát hiện	0.01
24.	Flusilazole	mg/Kg	TPV-LAB-FTP-296 (Ref. BS EN 15662:2018)	Không phát hiện	0.01
25.	Flutriafol	mg/Kg	TPV-LAB-FTP-296 (Ref. BS EN 15662:2018)	Không phát hiện	0.01
26.	Fluxapyroxad	mg/Kg	Ref. AOAC 2007.01 (LC/MS/MS)	Không phát hiện	0.01
27.	Glufosinate- Ammonium	mg/Kg	TPV-LAB-FTP-296 (Ref. BS EN 15662:2018)	Không phát hiện	0.1

Phiếu kết quả thử nghiệm số VNT/F20/032196P1
Ngày 31/03/2020

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp	Kết quả	Giới hạn phát hiện
28.	Glyphosate	mg/Kg	TPV-LAB-FTP-296 (Ref. BS EN 15662:2018)	Không phát hiện	0.1
29.	Haloxypop	mg/Kg	TPV-LAB-FTP-296 (Ref. BS EN 15662:2018)	Không phát hiện	0.01
30.	Imazamox	mg/Kg	TPV-LAB-FTP-296 (Ref. BS EN 15662:2018)	Không phát hiện	0.01
31.	Indoxacarb	mg/Kg	TPV-LAB-FTP-296 (Ref. BS EN 15662:2018)	Không phát hiện	0.01
32.	Mesotrione	mg/Kg	TPV-LAB-FTP-296 (Ref. BS EN 15662:2018)	Không phát hiện	0.01
33.	Metalaxyl	mg/Kg	TPV-LAB-FTP-296 (Ref. BS EN 15662:2018)	Không phát hiện	0.01
34.	Methamidophos	mg/Kg	TPV-LAB-FTP-296 (Ref. BS EN 15662:2018)	Không phát hiện	0.01
35.	Methomyl	mg/Kg	TPV-LAB-FTP-296 (Ref. BS EN 15662:2018)	Không phát hiện	0.01
36.	Penthiopyrad	mg/Kg	TPV-LAB-FTP-296 (Ref. BS EN 15662:2018)	Không phát hiện	0.01
37.	Permethrin	mg/Kg	TPV-LAB-FTP-296 (Ref. BS EN 15662:2018)	Không phát hiện	0.01
38.	Phorate	mg/Kg	TPV-LAB-FTP-296 (Ref. BS EN 15662:2018)	Không phát hiện	0.01
39.	Propiconazole	mg/Kg	TPV-LAB-FTP-296 (Ref. BS EN 15662:2018)	Không phát hiện	0.01
40.	Prothioconazole	mg/Kg	TPV-LAB-FTP-296 (Ref. BS EN 15662:2018)	Không phát hiện	0.01
41.	Pyraclostrobin	mg/Kg	TPV-LAB-FTP-296 (Ref. BS EN 15662:2018)	Không phát hiện	0.01
42.	Quintozene	mg/Kg	TPV-LAB-FTP-296 (Ref. BS EN 15662:2018)	Không phát hiện	0.01
43.	Spinozad	mg/Kg	TPV-LAB-FTP-296 (Ref. BS EN 15662:2018)	Không phát hiện	0.01
44.	Spirotetramate	mg/Kg	TPV-LAB-FTP-296 (Ref. BS EN 15662:2018)	Không phát hiện	0.01
45.	Sulfoxaflor	mg/Kg	TPV-LAB-FTP-296 (Ref. BS EN 15662:2018)	Không phát hiện	0.01
46.	Tebuconazole	mg/Kg	TPV-LAB-FTP-296 (Ref. BS EN 15662:2018)	Không phát hiện	0.01
47.	Carbofuran	mg/Kg	TPV-LAB-FTP-296 (Ref. BS EN 15662:2018)	Không phát hiện	0.01
48.	Clothianidin	mg/Kg	TPV-LAB-FTP-296 (Ref. BS EN 15662:2018)	Không phát hiện	0.05
49.	Cyhalothrin (bao gồm lambda-cyhalothrin)	mg/Kg	TPV-LAB-FTP-296 (Ref. BS EN 15662:2018)	Không phát hiện	0.01
50.	Cypermethrins (bao gồm alpha- and zeta - cypermethrin)	mg/Kg	TPV-LAB-FTP-296 (Ref. BS EN 15662:2018)	Không phát hiện	0.01
51.	Ethoprophos	mg/Kg	TPV-LAB-FTP-296 (Ref. BS EN 15662:2018)	Không phát hiện	0.01
52.	Isoxaflutole	mg/Kg	TPV-LAB-FTP-296 (Ref. BS EN 15662:2018)	Không phát hiện	0.01

53916
CÔNG
TNH
TUV S
IẾT I
PHỞ H



Vietnam

Phiếu kết quả thử nghiệm số VNT/F20/032196P1
Ngày 31/03/2020

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp	Kết quả	Giới hạn phát hiện
53.	Novaluron	mg/Kg	TPV-LAB-FTP-296 (Ref. BS EN 15662:2018)	Không phát hiện	0.01
54.	Tebufenozide	mg/Kg	TPV-LAB-FTP-296 (Ref. BS EN 15662:2018)	Không phát hiện	0.05
55.	Trinexapac-ethyl	mg/Kg	TPV-LAB-FTP-296 (Ref. BS EN 15662:2018)	Không phát hiện	0.01

- Kết thúc phiếu kết quả thí nghiệm -





Vietnam

Phiếu kết quả thử nghiệm số VNT/F20/032196P1

Ngày 31/03/2020

Các Điều Kiện và Điều Khoản Kinh Doanh Chung

1. Các điều kiện và điều khoản chung

- 1.1 Những điều khoản và điều kiện chung trong kinh doanh này được áp dụng cho tất cả các dịch vụ Thử nghiệm sản phẩm / Kiểm định / Chứng Nhận và những dịch vụ khác (gọi tắt là "các Dịch vụ") do TUV SUD cung cấp.
- 1.2 Khách hàng chấp nhận các điều kiện và điều khoản chung trong kinh doanh của TUV SUD và mức giá được đưa ra trong bảng giá đính kèm. Việc có sự khác biệt về các điều kiện và điều khoản kinh doanh của một số khách hàng cá nhân thì không ảnh hưởng đến hiệu lực của nội dung của các điều kiện và điều khoản chung.
- 1.3 Những thỏa thuận, hứa hẹn hay bất kỳ khác điều khoản này xuất phát từ nhân viên công ty TUV SUD hoặc các chuyên gia được ủy quyền chính thức bởi TUV SUD yêu cầu sẽ chỉ được xem là có tính ràng buộc nếu được TUV SUD xác nhận chính thức bằng văn bản. Điều này cũng được áp dụng với bất kỳ sự sửa đổi bổ sung nào của những điều kiện và điều khoản này.

2. Thực hiện hợp đồng và trách nhiệm của khách hàng

- 2.1 TUV SUD sẽ thực hiện các Dịch vụ theo trình tự và thủ tục vốn có của tập đoàn TUV SUD ngoại trừ những thỏa thuận khác bằng văn bản hoặc được phát luật quy định. Trong những trường hợp này, TUV SUD không có trách nhiệm xác minh và giải thích tính chính xác của những chương trình và quy định an toàn vốn áp dụng cho những hoạt động thử nghiệm và giám định mà chúng tôi cung cấp cho khách hàng.
- 2.2 TUV SUD được quyền sử dụng các nhà thầu phụ trong việc thực hiện các đơn đặt hàng, chỉ khi điều này đã được thỏa thuận rõ ràng bằng văn bản.
- 2.3 Phạm vi các Dịch vụ do TUV SUD thực hiện sẽ được xác định rõ trong văn bản của đơn đặt hàng. Nếu có bất kỳ sự sửa đổi hoặc mở rộng phạm vi cung cấp dịch vụ được chứng minh là cần thiết trong nội dung phải thực hiện hợp đồng, những điều này phải được thỏa thuận rõ ràng trước bằng văn bản.
- 2.4 Khách hàng cần cung cấp những phụ kiện cần thiết, thông tin và / hoặc tài liệu cho các Dịch vụ, bao gồm các báo cáo thử nghiệm nội bộ của công ty hoặc nước ngoài, những thông số kỹ thuật của sản phẩm, hướng dẫn sử dụng sản phẩm. TUV SUD sẽ không liên hệ thực hiện các Dịch vụ cho tới khi tất cả các những phụ kiện cần thiết, thông tin hoặc tài liệu trên được cung cấp.
- 2.5 TUV SUD, trong quyền hạn cho phép của mình, có quyền không tiến hành các Dịch vụ và chấm dứt hiệu lực của thỏa thuận đã được ký với khách hàng trong trường hợp khách hàng đã không thực hiện đúng những điều kiện và điều khoản quy định trong văn bản này.

3. Thời hạn, trì hoãn hoặc không thực hiện dịch vụ

- 3.1 Thời hạn cho thực hiện hợp đồng được phát sinh bởi TUV SUD sẽ chỉ ràng buộc nếu điều này đã được thỏa thuận rõ ràng bằng văn bản hoặc theo qui định của pháp luật.
- 3.2 TUV SUD sẽ không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ việc trì hoãn hoặc không thực hiện dịch vụ liên quan đến việc thực hiện hợp đồng do phát sinh từ bất kỳ nguyên nhân nào nằm ngoài sự kiểm soát của mình trừ trường hợp pháp luật qui định.
- 3.3 Trong trường hợp việc thực hiện hợp đồng của TUV SUD bị trì hoãn vì bất kỳ nguyên nhân nào nằm ngoài sự kiểm soát, TUV SUD sẽ có sự lựa chọn tự quyết như sau: (i) kéo dài thời gian thực hiện lý theo thời gian bị trì hoãn hoặc (ii) chấm dứt những thỏa thuận cung cấp các Dịch vụ.

4. Sự đảm bảo

- 4.1 Sự bảo đảm bởi TUV SUD chỉ bao gồm các dịch vụ được quy định trong hợp đồng của chúng tôi và dựa trên mục 2.1 của tài liệu này. Sự bảo đảm về thể sẽ không được áp dụng trong điều kiện chức năng thích hợp của những nhà máy vốn là nơi sản xuất của sản phẩm được thử nghiệm hay kiểm định bởi TUV SUD. Đặc biệt, TUV SUD sẽ không chịu bất kỳ trách nhiệm liên quan đến quy trình thiết kế, chuẩn bị nguyên vật liệu và xây dựng các nhà máy được kiểm tra trừ khi những vấn đề này được đề cập rõ ràng trong hợp đồng. Thêm chỉ nếu trường hợp này xảy ra trong thời hạn, sự bảo đảm và trách nhiệm pháp lý của nhà sản xuất sẽ không bị hạn chế đồng nghĩa qui định hoặc theo qui định của pháp luật.
- 4.2 Bất kỳ hình thức bảo đảm nào được cung cấp bởi TUV SUD, sẽ được ưu tiên hạn chế trong việc tiến hành dịch vụ bổ sung vốn có một khoảng thời gian hợp lý để hoàn thành được thông báo bằng văn bản tới và được đồng ý bởi khách hàng hoặc theo qui định của pháp luật. Trong trường hợp dịch vụ bổ sung được tiến hành thất bại, vì lý do không thể thi hoặc không được khách hàng chấp thuận, hoặc bị từ chối hay quá hạn bởi TUV SUD, khách hàng được phép tiếp tục quyền hạn và sự can thiệp của mình, sẽ tiếp tục tiếp tục việc giám giá hay hủy bỏ hợp đồng.
- 4.3 TUV SUD cam đoan sẽ áp dụng chính sách quan tâm chăm sóc hợp lý và chu đáo trong việc cung cấp các Dịch vụ đã được trình bày tại tài liệu này. Tất cả công tác báo hành của TUV SUD dự trữ hay gián tiếp không được đề cập tại đây, đều được áp dụng theo trình tự chính sách đã ra trong tài liệu này.
- 4.4 Khách hàng đảm bảo rằng tất cả các thông tin và / hoặc tài liệu cung cấp cho TUV SUD là chính xác và đúng trên tất cả các phương diện và sẽ bồi thường theo qui định pháp luật liên quan cho TUV SUD do tất cả những mất mát và thiệt hại phát sinh từ các Dịch vụ gây ra bởi những thông tin bị sai và / hoặc không đúng tài liệu được cung cấp cho khách hàng.

5. Trách nhiệm pháp lý

- 5.1 Từ khi được pháp luật qui định, TUV SUD chỉ chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại - bất kể trong phạm vi cơ sở pháp lý của mình - trong trường hợp TUV SUD đã gây ra bất kỳ thiệt hại là hậu quả của một hành vi cố ý hoặc cố ý không cần thận hoặc TUV SUD đã có ý vi phạm một trong những nghĩa vụ thực hiện hợp đồng trong yêu cầu ("nghĩa vụ quan trọng"). Trong những trường hợp này, TUV SUD chỉ chịu trách nhiệm đối với các thiệt hại liên quan và thường có thể được dự đoán cụ thể trong hợp đồng tại thời điểm giao kết hợp đồng.
- 5.2 Trong quá trình lưu giữ hợp lý sản phẩm thiết bị của khách hàng, trừ khi được thỏa thuận khác trong hợp đồng hoặc pháp luật có qui định ngược lại, TUV SUD sẽ không chịu trách nhiệm trong bất kỳ tình huống mất mát hay hư hỏng trong quá trình vận chuyển hoặc quá trình trình giữ của TUV SUD trừ trường hợp do lỗi hoặc sự cố của TUV SUD. Khách hàng cần sắp xếp cho việc mua bảo hiểm cần thiết phòng trường hợp mất mát hoặc thiệt hại do quá trình vận chuyển hoặc tại TUV SUD.
- 5.3 Từ khi có văn bản yêu cầu gửi lại sản phẩm thiết bị vào thời điểm khách hàng giao cho TUV SUD thử nghiệm hoặc thỏa thuận cung cấp các dịch vụ thử nghiệm nhanh để trả lại các sản phẩm thiết bị, thì tất cả các sản phẩm thiết bị đã cung cấp cho TUV SUD thử nghiệm sẽ bị tiêu hủy sau 1 tháng kể từ ngày thử nghiệm và khách hàng đồng ý chấp nhận nguyên tắc này.
- 5.4 Từ khi được pháp luật qui định, TUV SUD sẽ không chịu trách nhiệm cho bất kỳ thiệt hại gây ra như là hậu quả của một vi phạm bất cứ một trong những nghĩa vụ hợp đồng chung trong yêu cầu.
- 5.5 Từ khi được pháp luật qui định, "nghĩa vụ hợp đồng trong yêu cầu" là những nghĩa vụ bảo vệ quyền lợi hợp pháp của khách hàng được cho là quan trọng trong một hợp đồng, dựa trên nội dung và mục đích của nó, hợp đồng phải quy định chi tiết những điều khoản này được cung cấp cho khách hàng, hơn nữa, những nghĩa vụ hợp đồng trong yêu cầu này phải được xem như điều kiện tiên quyết để thực hiện đúng hợp đồng và dựa trên sự tuân thủ mà khách hàng phân bổ đã hoặc có thể căn cứ vào.
- 5.6 Từ khi được pháp luật qui định, TUV SUD không chịu trách nhiệm cho các tổn thất bất ngờ, gián tiếp, đặc biệt hoặc hư hại nào, bao gồm, nhưng không giới hạn đến tổn thất của doanh thu, lợi nhuận, hợp đồng, kinh doanh hoặc tiết kiệm dự tính, hoặc tổn thất về tin.

hoặc danh tiếng, cho dù có thể dự đoán trước hay không xuất phát từ bất kỳ hành động hoặc thiếu sót do một phần của TUV SUD trong quá trình cung cấp các Dịch vụ.

5.7 Bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào khiếu nại theo quy định của tài liệu này có thể thông báo cho TUV SUD, và bất kỳ tổn thất tiềm ẩn mà TUV SUD có thể chịu trách nhiệm pháp lý.

5.8 Nếu những khiếu nại và thiệt hại chống lại TUV SUD đã được loại trừ hoặc giới hạn, điều này sẽ dẫn đến sự miễn trừ những ràng buộc pháp lý cá nhân liên quan đến những cơ quan tố tụng, những chuyên gia, nhân viên liên quan, những tổ chức gián tiếp hoặc những nhân viên hỗ trợ trực thuộc TUV SUD đối với các khiếu nại / khiếu nại được đề cập trong cùng quan hệ pháp luật.

5.9 Được đồng ý bởi tất cả của TUV SUD trả cho khách hàng dựa trên hoặc liên quan đến thỏa thuận về các Dịch vụ và / hoặc sai lầm cá nhân (kể cả sự cố) trong mọi trường hợp (trừ từ vòng hoặc thương tích cá nhân xuất phát từ sự sơ suất của TUV SUD) sẽ không được vượt quá số tiền lệ phí khách hàng chi trả cho TUV SUD đối với các Dịch vụ.

6. Điều khoản về thanh toán, mức giá

6.1 Từ khi một mức giá cố định hay sự tính toán cơ bản đã được đồng ý một cách rõ ràng trên hợp đồng, dịch vụ sẽ được tính theo giá của TUV SUD có giá trị tại thời điểm ký kết hợp đồng. Trong trường hợp không có một kế hoạch hiệu lực của giá cả, điều khoản hợp đồng phải được vượt quá số tiền lệ phí khách hàng chi trả cho TUV SUD.

Nếu trong khoảng thời gian dài hơn 4 tháng từ lúc ký hợp đồng cho đến lúc TUV SUD hoàn thành hợp đồng xảy ra sự gia tăng giá, mức giá sẽ được sửa đổi trên cơ sở tính toán của tháng thứ 5.

6.2 Những khoản tiền ứng trước có thể được yêu cầu thanh toán theo tỷ lệ và / hoặc từng phần của hóa đơn bao gồm các dịch vụ đã được thực hiện. TUV SUD không có trách nhiệm trả hóa đơn tổng phần tiền thanh toán công việc. Việc nhận được một hóa đơn không có nghĩa là khách hàng đã hoàn thành chi trả cho TUV SUD.

6.3 Đối với những khách hàng không có thỏa thuận công nợ cũng TUV SUD thì phải thanh toán trước. Đối với những khách hàng mà TUV SUD có thỏa thuận công nợ, hóa đơn sẽ được phát hành khi một công việc được hoàn thành và khách hàng phải thanh toán cho TUV SUD trong vòng ba mươi ngày kể từ ngày hóa đơn được xuất.

6.4 Khách hàng đồng ý bồi thường và trả phí cho TUV SUD đối với tất cả các loại thuế, các khoản thu và nghĩa vụ tài chính, nhưng không giới hạn, thuế hàng hóa và dịch vụ (thuế Giá trị gia tăng - VAT) hoặc thuế nhà thầu nước ngoài mà TUV SUD có nghĩa vụ nộp trong quá trình cung cấp dịch vụ cho khách hàng.

6.5 Cho bất kỳ sự từ chối hóa đơn đều phải được thông báo bằng văn bản từ TUV SUD trong vòng 14 ngày sau khi nhận được hóa đơn, và trình bày lý do cụ thể.

6.6 Khi khách hàng quyết định hủy yêu cầu dịch vụ (mà không phải là dịch vụ kiểm toán), khách hàng chỉ có thể thực hiện bằng cách gửi một thông báo bằng văn bản đến TUV SUD. Trong trường hợp TUV SUD nhận được văn bản hủy yêu cầu hủy dịch vụ trong thời hạn ba ngày làm việc sau khi các nhân viên của dịch vụ tiếp nhận hàng sẽ phải chịu phí đối với tất cả các dịch vụ đã được thực hiện trước khi có thông báo hủy yêu cầu hủy dịch vụ như trên, và trong trường hợp ngược lại nếu TUV SUD không nhận được bất kỳ thông báo bằng văn bản hủy yêu cầu hủy dịch vụ như vậy trong thời hạn đã được qui định, khách hàng đồng ý sẽ thanh toán cho toàn bộ phí dịch vụ như hợp đồng qui định.

6.7 Đối với dịch vụ kiểm toán, bất kỳ yêu cầu nào về việc hủy bỏ hay trì hoãn việc thực hiện kiểm toán phải được thông báo cho TUV SUD trong thời hạn sáu tuần trước khi kiểm toán đã được ấn định. Khách hàng sẽ phải chịu phí đối với tất cả các dịch vụ đã được thực hiện trước khi có thông báo hủy yêu cầu hủy dịch vụ như trên, và trong trường hợp ngược lại nếu TUV SUD không nhận được bất kỳ yêu cầu hủy bỏ hay trì hoãn việc thực hiện kiểm toán trong thời hạn đã được qui định, khách hàng sẽ đồng ý sẽ thanh toán cho toàn bộ phí dịch vụ cho cuộc kiểm toán như hợp đồng qui định.

7. Bảo mật, bản quyền, bảo vệ dữ liệu

7.1 TUV SUD được quyền sao chép và lưu giữ các tài liệu bằng văn bản được nộp để nghiên cứu, đây là điều cần thiết cho việc thực hiện đơn hàng.

7.2 Như ý kiến của các chuyên gia, báo cáo đánh giá và những điều tương tự đã được bảo hộ bản quyền vốn được đề cập trong phạm vi hợp đồng dịch vụ, TUV SUD sẽ cấp cho khách hàng một quyền sử dụng (không có tính chất chuyển giao) trong trường hợp việc này được yêu cầu như một mục đích cơ bản trong hợp đồng. Việc chuyển giao bản quyền chỉ có thể xảy ra nếu như việc này được yêu cầu một cách rõ ràng và được chuyển giao mọi quyền khác, khách hàng trong trường hợp được biết, sẽ không được quyền thay đổi (quy trình) việc sử dụng các ý kiến chuyên gia, các báo cáo đánh giá và kết quả thử nghiệm, các thông số tính toán và những dữ liệu tương tự ngoài mục đích kinh doanh khác.

7.3 Nhân viên TUV SUD, và các chuyên gia kỹ sư do TUV SUD mời cộng tác (khi chưa có sự đồng ý) sẽ không được phép tiết lộ hoặc sử dụng bất kỳ thông tin bí mật của khách hàng mà họ đã nắm rõ trong suốt quá trình tác nghiệp, điều này bao gồm không áp dụng công nghệ thông tin và một nghĩa vụ pháp lý về bảo mật thông tin dành cho TUV SUD đối với những trường hợp thông tin vốn được cung cấp cho TUV SUD trước khi thỏa thuận được ký, hoặc tiết lộ hoặc sử dụng phải được pháp luật yêu cầu, hoặc đã được nhận được từ bên thứ ba, là bản thân hoặc từ bất kỳ người có bảo mật thông tin hoặc những người không có được thông tin một cách bí mật, hoặc những thông tin được hình thành và phát triển độc lập bởi TUV SUD mà không cần tham khảo đến các thông tin bí mật được tiết lộ.

8. Quyền lưu giữ

Ngoài bất kỳ quyền lưu giữ mà TUV SUD được có theo luật định, TUV SUD có quyền lưu giữ chung đối với tất cả các sản phẩm thiết bị đã chuyển giao theo yêu cầu các Dịch vụ theo thỏa thuận, hợp đồng giữa TUV và khách hàng.

9. Bồi thường

Ngoại trừ những trường hợp được xác định nguyên nhân do sai sót của TUV SUD, thì khách hàng có trách nhiệm bồi thường cho TUV SUD phù hợp với qui định pháp luật đối với tất cả các tổn thất hoặc hư hại, phí tổn và các chi phí phát sinh mà TUV SUD phải chi trả do khiếu nại bởi bất kỳ bên thứ ba như là kết quả của việc cung cấp các Dịch vụ (bao gồm nhưng không giới hạn do việc sử dụng không đúng cách của các báo cáo kiểm tra, cung cấp thông tin và / hoặc tài liệu không chính xác cho TUV SUD hoặc bởi bất kỳ khiếu nại nào của bên thứ ba về hành vi xâm phạm hoặc sự hư hại từ loại và / hoặc để lộ thông tin và / hoặc về việc chuyển giao các tài liệu hoặc sản phẩm thiết bị).

10. Hủy bỏ

Trong trường hợp bất kỳ nhân viên nào của TUV SUD được yêu cầu bởi khách hàng hoặc bởi tòa án triệu tập theo đơn của khách hàng hoặc các bên liên quan khác cho sự tham dự của nhân viên trong phiên tòa như một nhân chứng chuyên gia thì những yêu cầu liên quan đến các Dịch vụ được cung cấp, khách hàng đồng ý và phải trả phí cho TUV SUD về việc tham dự phiên tòa này dựa trên mức phí hiện hành được khách hàng xác nhận đồng ý trong văn bản của TUV SUD cho việc tham dự phiên tòa. TUV SUD giữ quyền điều chỉnh mức phí của mình đối với vấn đề này theo thời gian.

11. Luật Pháp

11.1 Thỏa thuận các Dịch vụ sẽ được điều chỉnh và thiết lập theo quy định của pháp luật Việt Nam.

11.2 Khách hàng và khách hàng đồng ý tuân theo thẩm quyền xét xử của Tòa án Việt Nam.

12. Hiệu lực của thỏa thuận

12.1 Nếu bất kỳ các điều khoản và điều kiện của thỏa thuận này không hợp lệ hoặc không thể thi hành với bất kỳ lý do nào, thì sẽ không ảnh hưởng đến tính hợp lệ hoặc việc thi hành của phần còn lại của các điều khoản và điều kiện đã thỏa thuận.

Có hiệu lực. Ngày 21 Tháng 1 Năm 2016 (Công ty TNHH TUV SUD Việt Nam)
Tài liệu 7



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TP. HỒ CHÍ MINH
DEPARTMENT OF SCIENCE AND TECHNOLOGY

TRUNG TÂM DỊCH VỤ PHÂN TÍCH THÍ NGHIỆM TP. HỒ CHÍ MINH
CENTER OF ANALYTICAL SERVICES AND EXPERIMENTATION HCMC



Mã số mẫu/ Sample code
BN32003.24141233
MM32003.241412331

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

BMKD 03/1 - LBH 01
Ngày/ Date: 01/04/2020

Tên khách hàng/ Customer : NHÀ MÁY SỮA ĐẬU NÀNH VIỆT NAM VINASOY - CN CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG QUẢNG NGÃI

Địa chỉ/ Address : 02 NGUYỄN CHÍ THANH, PHƯỜNG QUẢNG PHÚ, THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI, VIỆT NAM

Tên mẫu/ Name of sample : SỮA ĐẬU NÀNH FAMI NGUYÊN CHẤT

Số lượng/ Quantity : 1

Tình trạng mẫu/ Sample description : Sản phẩm dạng lỏng chứa trong bao bì kín.

Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 24/03/2020

Ngày hẹn trả KH/ Date of issue : 31/03/2020

STT/ No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Đơn vị tính/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp/ Test method
1	Pb	mg/L	Không phát hiện, MDL = 0,02	CASE.TN.0018 (Ref. AOAC 999.11) (*)

(*) Phương pháp được VILAS công nhận/ Method is accredited by VILAS.
MDL Ngưỡng phát hiện của phương pháp/ Method Detection Limit.

Phụ trách phòng thử nghiệm/
Officer in charge of laboratory

TL.GIÁM ĐỐC/ PP.DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG/ HEAD OF DIVISION

Th.S Nguyễn Hoàng Ngọc Hân



Trương Huỳnh Anh Vũ

1/ KẾT QUẢ NÀY CHỈ CÓ GIÁ TRỊ TRÊN MẪU THỬ/ THIS RESULT IS ONLY VALID ON TESTED SAMPLE.

2/ Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ The sample information is written as customer's request.

3/ Không được sao chép toàn bộ hoặc một phần kết quả này dưới bất kỳ hình thức nào nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của CASE/ No fully or partial of this result may be reproduced in any form without prior permission in writing from CASE.

TRỤ SỞ CHÍNH:

(9) 02 Nguyễn Văn Thủ, P. Đa Kao, Q. 1, TP. HCM

(t) 18001105

(s) (84.28) 3911 7216

(e) casehcm@case.vn

CN CẦN THƠ:

(9) F267-F268, Đường số 6, KDC 586, P. Phú Thứ, Cái Răng, Cần Thơ

(t) (84.292) 3918216 - 217 - 218

(s) (84.292) 3918219

(e) support@case.com.vn, casecantho@case.vn

VP ĐẠI DIỆN MIỀN TRUNG:

(9) STH27/8, Đường 8E, KĐT Lê Hồng Phong II, P. Phước Hải, Nha Trang, Khánh Hòa

(t) (84.258) 246 5255

(s) (84.258) 246 5355

(e) vanphongmienntrung@case.vn



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TP. HỒ CHÍ MINH
DEPARTMENT OF SCIENCE AND TECHNOLOGY

TRUNG TÂM DỊCH VỤ PHÂN TÍCH THÍ NGHIỆM TP. HỒ CHÍ MINH
CENTER OF ANALYTICAL SERVICES AND EXPERIMENTATION HCMC



Mã số mẫu/ Sample code
BN32003.24141233
MM32003.241412331

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

BMKD 03/1 - LBH 01
Ngày/ Date: 31/03/2020

Tên khách hàng/ Customer : NHÀ MÁY SỮA ĐẬU NÀNH VIỆT NAM VINASOY - CN CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG QUẢNG NGÃI

Địa chỉ/ Address : 02 NGUYỄN CHÍ THANH, PHƯỜNG QUẢNG PHÚ, THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI, VIỆT NAM

Tên mẫu/ Name of sample : SỮA ĐẬU NÀNH FAMI NGUYÊN CHẤT

Số lượng/ Quantity : 1

Tình trạng mẫu/ Sample description : Sản phẩm dạng lỏng chứa trong bao bì kín.

Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 24/03/2020

Ngày hẹn trả KH/ Date of issue : 31/03/2020

STT/ No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Đơn vị tính/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp/ Test method
1	Béo	g/100mL	1,25	CASE.NS.0031 (Ref. FAO 14/7 p.214, 1986) (*)
2	Carbohydrate	g/100mL	9,99	Food and Drug Administration (*)
3	Đạm	g/100mL	2,30 (Nitor tổng x 6,25)	CASE.NS.0009 (FAO 14/7 p.221-223, 1986) (*)

(*) Phương pháp được VILAS công nhận/ Method is accredited by VILAS.

Phụ trách phòng thử nghiệm/
Officer in charge of laboratory

Th.S. Vũ Hàn Giang

TL.GIÁM ĐỐC/ PP.DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG/ HEAD OF DIVISION



Đoàn Thị Bội Hạnh

1/ KẾT QUẢ NÀY CHỈ CÓ GIÁ TRỊ TRÊN MẪU THỬ/ THIS RESULT IS ONLY VALID ON TESTED SAMPLE.

2/ Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ The sample information is written as customer's request.

3/ Không được sao chép toàn bộ hoặc một phần kết quả này dưới bất kỳ hình thức nào nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của CASE/ No fully or partial of this result may be reproduced in any form without prior permission in writing from CASE.

TRỤ SỞ CHÍNH:

(9) 02 Nguyễn Văn Thủ, P. Đa Kao, Q.1, TP. HCM

(☎) 18001105

(☎) (84.28) 3911 7216

(✉) casehcm@case.vn

CN CẦN THƠ:

(9) F2.67 - F2.68, Đường số 6, KDC 586, P. Phú Thứ, Cái Răng, Cần Thơ

(☎) (84.292) 3918216 - 217 - 218

(☎) (84.292) 3918219

(✉) support@case.com.vn, casecantho@case.vn

VP ĐẠI DIỆN MIỀN TRUNG:

(9) STH2716, Đường 8E, KĐT Lê Hồng Phong II, P. Phước Hải, Nha Trang, Khánh Hòa

(☎) (84.258) 246 5255

(☎) (84.258) 246 5355

(✉) vanphongmien trung@case.vn



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TP. HỒ CHÍ MINH
DEPARTMENT OF SCIENCE AND TECHNOLOGY

TRUNG TÂM DỊCH VỤ PHÂN TÍCH THÍ NGHIỆM TP. HỒ CHÍ MINH
CENTER OF ANALYTICAL SERVICES AND EXPERIMENTATION HCMC



Mã số mẫu/ Sample code
BN32003.24141233
MM32003.241412331

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

BMKD 03/1 - LBH 01
Ngày/ Date: 31/03/2020

Tên khách hàng/ Customer : NHÀ MÁY SỮA ĐẬU NÀNH VIỆT NAM VINASOY - CN CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG QUẢNG NGÃI

Địa chỉ/ Address : 02 NGUYỄN CHÍ THANH, PHƯỜNG QUẢNG PHÚ, THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI, VIỆT NAM

Tên mẫu/ Name of sample : SỮA ĐẬU NÀNH FAMI NGUYÊN CHẤT

Số lượng/ Quantity : 1

Tình trạng mẫu/ Sample description : Sản phẩm dạng lỏng chứa trong bao bì kín.

Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 24/03/2020

Ngày hẹn trả KH/ Date of issue : 31/03/2020

STT/ No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Đơn vị tính/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp/ Test method
1	Na	mg/100mL	28,0	CASE.TN.0017 (Ref. AOAC 985.35) (*)

(*) Phương pháp được VILAS công nhận/ Method is accredited by VILAS.

Phụ trách phòng thử nghiệm/
Officer in charge of laboratory

TL.GIÁM ĐỐC/ PP.DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG/ HEAD OF DIVISION

Th.S. Vũ Hàn Giang

Đoàn Thị Bội Hanh

1/ KẾT QUẢ NÀY CHỈ CÓ GIÁ TRỊ TRÊN MẪU THỬ/ THIS RESULT IS ONLY VALID ON TESTED SAMPLE.

2/ Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ The sample information is written as customer's request.

3/ Không được sao chép toàn bộ hoặc một phần kết quả này dưới bất kỳ hình thức nào nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của CASE/ No fully or partial of this result may be reproduced in any form without prior permission in writing from CASE.

TRỤ SỞ CHÍNH
(☎) 02 Nguyễn Văn Thủ, P. Đa Kao, Q.1, TP. HCM
(☎) 18001105
(☎) (84.28) 3911 7216
(✉) casehcm@case.vn

CN CẦN THƠ
(☎) F2.67 - F2.68, Đường số 6, KDC 596, P. Phú Thứ, Cái Răng, Cần Thơ
(☎) (84.292) 3918216 - 217 - 218
(☎) (84.292) 3918219
(✉) support@case.com.vn, casecantho@case.vn

VP ĐẠI DIỆN MIỀN TRUNG
(☎) STH2718, Đường 8E, KĐT Lê Hồng Phong II, P. Phước Hải, Nha Trang, Khánh Hòa
(☎) (84.258) 246 5255
(☎) (84.258) 246 5355
(✉) vanhongmientrung@case.vn



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TP. HỒ CHÍ MINH
DEPARTMENT OF SCIENCE AND TECHNOLOGY

TRUNG TÂM DỊCH VỤ PHÂN TÍCH THÍ NGHIỆM TP. HỒ CHÍ MINH
CENTER OF ANALYTICAL SERVICES AND EXPERIMENTATION HCMC



Mã số mẫu/ Sample code
BN32003.24141233
MM32003.241412331

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

BMKD 03/1 - LBH 01
Ngày/ Date: 31/03/2020

Tên khách hàng/ Customer : NHÀ MÁY SỮA ĐẬU NÀNH VIỆT NAM VINASOY - CN CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG QUẢNG NGÃI

Địa chỉ/ Address : 02 NGUYỄN CHÍ THANH, PHƯỜNG QUẢNG PHÚ, THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI, VIỆT NAM

Tên mẫu/ Name of sample : SỮA ĐẬU NÀNH FAMI NGUYÊN CHẤT

Số lượng/ Quantity : 1

Tình trạng mẫu/ Sample description : Sản phẩm dạng lỏng chứa trong bao bì kín.

Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 24/03/2020

Ngày hẹn trả KH/ Date of issue : 31/03/2020

STT/ No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Đơn vị tính/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp/ Test method
1	Cholesterol	mg/100mL	Không phát hiện, MDL = 0,1	CASE.SK.0012 - GC (*)

(*) Phương pháp được VILAS công nhận/ Method is accredited by VILAS.
MDL Ngưỡng phát hiện của phương pháp/ Method Detection Limit.

Phụ trách phòng thử nghiệm/
Officer in charge of laboratory

Th.S. Vũ Hàn Giang

TL.GIÁM ĐỐC/ PP.DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG/ HEAD OF DIVISION



Đoàn Thị Bội Hanh

1/ KẾT QUẢ NÀY CHỈ CÓ GIÁ TRỊ TRÊN MẪU THỬ/ THIS RESULT IS ONLY VALID ON TESTED SAMPLE.
2/ Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ The sample information is written as customer's request.
3/ Không được sao chép toàn bộ hoặc một phần kết quả này dưới bất kỳ hình thức nào nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của CASE/
No fully or partial of this result may be reproduced in any form without prior permission in writing from CASE.

TRỤ SỞ CHÍNH
(02) Nguyễn Văn Thủ, P. Đa Kao, Q. 1, TP. HCM
☎ 18001105
☎ (84.28) 3911 7216
✉ casehcm@case.vn

CN CẦN THƠ
(09) F2.67 - F2.68, Đường số 6, KDC 586, P. Phú Thứ, Cái Răng, Cần Thơ
☎ (84.292) 3918216 - 217 - 218
☎ (84.292) 3918219
✉ support@case.com.vn, casecantho@case.vn

VP ĐẠI DIỆN MIỀN TRUNG
(09) 5TH2738, Đường 8E, KĐT Lê Hồng Phong II, P. Phước Hải, Nha Trang, Khánh Hòa
☎ (84.258) 246 5255
☎ (84.258) 246 5355
✉ vanphongmientrung@case.vn



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TP. HỒ CHÍ MINH

DEPARTMENT OF SCIENCE AND TECHNOLOGY

TRUNG TÂM DỊCH VỤ PHÂN TÍCH THÍ NGHIỆM TP. HỒ CHÍ MINH

CENTER OF ANALYTICAL SERVICES AND EXPERIMENTATION HCMC

VIMCERTS
147Mã số mẫu/ Sample code
BN32003.24141233
MM32003.241412331**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**
TEST REPORTBMKD 03/1 - LBH 01
Ngày/ Date: 31/03/2020

Tên khách hàng/ Customer : **NHÀ MÁY SỮA ĐẬU NÀNH VIỆT NAM VINASOY - CN CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG QUẢNG NGÃI**

Địa chỉ/ Address : **02 NGUYỄN CHÍ THANH, PHƯỜNG QUẢNG PHÚ, THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI, VIỆT NAM**

Tên mẫu/ Name of sample : **SỮA ĐẬU NÀNH FAMI NGUYÊN CHẤT**

Số lượng/ Quantity : **1**

Tình trạng mẫu/ Sample description : **Sản phẩm dạng lỏng chứa trong bao bì kín.**

Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : **24/03/2020**

Ngày hẹn trả KH/ Date of issue : **31/03/2020**

STT/ No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Đơn vị tính/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp/ Test method
1	Aflatoxin	µg/kg	Aflatoxin B1: Không phát hiện, MDL = 0,1 Aflatoxin B2: Không phát hiện, MDL = 0,1 Aflatoxin G1: Không phát hiện, MDL = 0,1 Aflatoxin G2: Không phát hiện, MDL = 0,1	CASE.SK.0018 - HPLC (*)
2	Aflatoxin B1	µg/kg	Không phát hiện, MDL = 0,1	CASE.SK.0018 - HPLC (*)
3	Ochratoxin A	µg/kg	Không phát hiện, MDL = 0,1	CASE.SK.0069 (*)

(*) Phương pháp được VILAS công nhận/ Method is accredited by VILAS.

MDL Ngưỡng phát hiện của phương pháp/ Method Detection Limit.

Phụ trách phòng thử nghiệm/
Officer in charge of laboratory**Th.S. Vũ Hàn Giang****TL GIÁM ĐỐC/ PP.DIRECTOR**
TRƯỞNG PHÒNG/ HEAD OF DIVISION**Đoàn Thị Bội Hanh**

1/ KẾT QUẢ NÀY CHỈ CÓ GIÁ TRỊ TRÊN MẪU THỬ/ THIS RESULT IS ONLY VALID ON TESTED SAMPLE.

2/ Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ The sample information is written as customer's request.

3/ Không được sao chép toàn bộ hoặc một phần kết quả này dưới bất kỳ hình thức nào nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của CASE/
No fully or partial of this result may be reproduced in any form without prior permission in writing from CASE.

TRỤ SỞ CHÍNH:

(9) 02 Nguyễn Văn Thủ, P. Đa Kao, Q. 1, TP. HCM

(t) 18001105

(s) (84.28) 3911 7216

(e) casehcm@case.vn

CN CẦN THƠ:

(9) F267 - F268, Đường số 6, KDC 586, P. Phú Thứ, Cái Răng, Cần Thơ

(t) (84.292) 3918216 - 217 - 218

(s) (84.292) 3918219

(e) support@case.com.vn, casecantho@case.vn

VP ĐẠI DIỆN MIỀN TRUNG:

(9) STH278, Đường 8E, KĐT Lê Hồng Phong II, P. Phước Hải, Nha Trang, Khánh Hòa

(t) (84.258) 246 5255

(s) (84.258) 246 5355

(e) vanphongmien trung@case.vn



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TP. HỒ CHÍ MINH
DEPARTMENT OF SCIENCE AND TECHNOLOGY

TRUNG TÂM DỊCH VỤ PHÂN TÍCH THÍ NGHIỆM TP. HỒ CHÍ MINH
CENTER OF ANALYTICAL SERVICES AND EXPERIMENTATION HCMC



VIMCERTS
147

Mã số mẫu/ Sample code
BN32003.24141233
MM32003.241412331

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

BMKD 03/1 - LBH 01
Ngày/ Date: 31/03/2020

Tên khách hàng/ Customer : NHÀ MÁY SỮA ĐẬU NÀNH VIỆT NAM VINASOY - CN CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG QUẢNG NGÃI

Địa chỉ/ Address : 02 NGUYỄN CHÍ THANH, PHƯỜNG QUẢNG PHÚ, THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI, VIỆT NAM

Tên mẫu/ Name of sample : SỮA ĐẬU NÀNH FAMI NGUYÊN CHẤT

Số lượng/ Quantity : 1

Tình trạng mẫu/ Sample description : Sản phẩm dạng lỏng chứa trong bao bì kín.

Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 24/03/2020

Ngày hẹn trả KH/ Date of issue : 31/03/2020

STT/ No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Đơn vị tính/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp/ Test method
1	Melamine	mg/Kg	Không phát hiện, MDL = 0,1	CASE.SK.0023 - GC/MS/MS (*)

(*) Phương pháp được VILAS công nhận/ Method is accredited by VILAS.
MDL Ngưỡng phát hiện của phương pháp/ Method Detection Limit.

Phụ trách phòng thử nghiệm/
Officer in charge of laboratory

TL.GIÁM ĐỐC/ PP.DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG/ HEAD OF DIVISION



Th.S. Vũ Hàn Giang

Đoàn Thị Bội Hanh

1/ KẾT QUẢ NÀY CHỈ CÓ GIÁ TRỊ TRÊN MẪU THỬ/ THIS RESULT IS ONLY VALID ON TESTED SAMPLE.

2/ Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ The sample information is written as customer's request.

3/ Không được sao chép toàn bộ hoặc một phần kết quả này dưới bất kỳ hình thức nào nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của CASE/
No fully or partial of this result may be reproduced in any form without prior permission in writing from CASE.

TRỤ SỞ CHÍNH:

02 Nguyễn Văn Thủ, P. Đa Kao, Q. 1, TP. HCM

☎ 18001105

☎ (84.28) 3911 7216

✉ casehcm@case.vn

CN CẦN THƠ

01 F267-F268, Đường số 6, KDC 586, P. Phú Thứ, Cai Răng, Cần Thơ

☎ (84.292) 3918216 - 217 - 218

☎ (84.292) 3918219

✉ support@case.com.vn, casecantho@case.vn

VP ĐẠI DIỆN MIỀN TRUNG

01 STH2718, Đường 8E, KĐT Lê Hồng Phong II, P. Phước Hải, Nha Trang, Khánh Hòa

☎ (84.258) 246 5255

☎ (84.258) 246 5355

✉ vanphongmientrung@case.vn



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TP. HỒ CHÍ MINH
DEPARTMENT OF SCIENCE AND TECHNOLOGY

TRUNG TÂM DỊCH VỤ PHÂN TÍCH THÍ NGHIỆM TP. HỒ CHÍ MINH
CENTER OF ANALYTICAL SERVICES AND EXPERIMENTATION HCMC



Mã số mẫu/ Sample code
BN32003.24141233
MM32003.241412331

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

BMKD 03/1 - LBH 01
Ngày/ Date: 31/03/2020

Tên khách hàng/ Customer : **NHÀ MÁY SỮA ĐẬU NÀNH VIỆT NAM VINASOY - CN CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG QUẢNG NGÃI**

Địa chỉ/ Address : **02 NGUYỄN CHÍ THANH, PHƯỜNG QUẢNG PHÚ, THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI, VIỆT NAM**

Tên mẫu/ Name of sample : **SỮA ĐẬU NÀNH FAMI NGUYÊN CHẤT**

Số lượng/ Quantity : **1**

Tình trạng mẫu/ Sample description : **Sản phẩm dạng lỏng chứa trong bao bì kín.**

Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : **24/03/2020**

Ngày hẹn trả KH/ Date of issue : **31/03/2020**

STT/ No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Đơn vị tính/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp/ Test method
1	Clostridium perfringens	CFU/mL	< 01	ISO 7937:2004 (*)
2	Coliforms	CFU/mL	< 01	ISO 4832:2006 (*)
3	Escherichia coli	CFU/mL	< 01	ISO 16649-2:2001 (*)
4	Pseudomonas aeruginosa	CFU/mL	< 01	ISO 16266:2006 (*)
5	Staphylococcus aureus	CFU/mL	< 01	ISO 6888-1:1999/Amd.1. 2003 (*)
6	Streptococci faecal	CFU/mL	< 01	ISO 7899-2:2000 (*)
7	Tổng nấm men, nấm mốc	CFU/mL	< 01	ISO 21527-1:2008 (*)
8	Tổng số vi sinh vật hiếu khí (TPC)	CFU/mL	< 01	ISO 4833-1:2013 (*)

(*) Phương pháp được VILAS công nhận/ Method is accredited by VILAS.

Theo phương pháp thử, kết quả được biểu thị nhỏ hơn 10 CFU/g hoặc nhỏ hơn 1 CFU/ml khi không có khuẩn lạc mọc trên đĩa/
According to the test method, the result is expressed as less than 10 CFU/g or less than 1 CFU/ml when the dish contains no colony.

Phụ trách phòng thử nghiệm/
Officer in charge of laboratory

Lsm

ThS. Lương Sơn Tùng

**TL GIÁM ĐỐC/ PP.DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG/ HEAD OF DIVISION**



Đoàn Thị Bội Hanh

1/ KẾT QUẢ NÀY CHỈ CÓ GIÁ TRỊ TRÊN MẪU THỬ/ THIS RESULT IS ONLY VALID ON TESTED SAMPLE.

2/ Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ The sample information is written as customer's request.

3/ Không được sao chép toàn bộ hoặc một phần kết quả này dưới bất kỳ hình thức nào nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của CASE/ No fully or partial of this result may be reproduced in any form without prior permission in writing from CASE.

TRỤ SỞ CHÍNH:

(9) 02 Nguyễn Văn Thiệu, P. Đa Kao, Q. 1, TP. HCM

(t) 18001105

(s) (84.28) 3911 7216

(e) casehcm@case.vn

CN CẦN THƠ

(9) F2.67 - F2.68, Đường số 6, KDC 586, P. Phú Thứ, Cái Răng, Cần Thơ

(t) (84.292) 3918216 - 217 - 218

(s) (84.292) 3918219

(e) support@case.com.vn, casecantho@case.vn

VP ĐẠI DIỆN MIỀN TRUNG:

(9) STH2718, Đường 8E, KĐT Lê Hồng Phong II, P. Phước Hải, Nha Trang, Khánh Hòa

(t) (84.258) 246 5255

(s) (84.258) 246 5355

(e) vanphongmien trung@case.vn



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TP. HỒ CHÍ MINH
DEPARTMENT OF SCIENCE AND TECHNOLOGY

TRUNG TÂM DỊCH VỤ PHÂN TÍCH THÍ NGHIỆM TP. HỒ CHÍ MINH
CENTER OF ANALYTICAL SERVICES AND EXPERIMENTATION HCMC



VIMCERTS
147

Mã số mẫu/ Sample code
BN32003.24141233
MM32003.241412331

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

BMKD 03/1 - LBH 01
Ngày/ Date: 31/03/2020

Tên khách hàng/ Customer : NHÀ MÁY SỮA ĐẬU NÀNH VIỆT NAM VINASOY - CN CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG QUẢNG NGÃI

Địa chỉ/ Address : 02 NGUYỄN CHÍ THANH, PHƯỜNG QUẢNG PHÚ, THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI, VIỆT NAM

Tên mẫu/ Name of sample : SỮA ĐẬU NÀNH FAMI NGUYÊN CHẤT

Số lượng/ Quantity : 1

Tình trạng mẫu/ Sample description : Sản phẩm dạng lỏng chứa trong bao bì kín.

Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 24/03/2020

Ngày hẹn trả KH/ Date of issue : 31/03/2020

STT/ No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Đơn vị tính/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp/ Test method
1	GMO		Định tính GMO bằng phương pháp sàng lọc: Promoter CaMV 35S: Không phát hiện Terminator NOS: Không phát hiện (LOD= 0,1%)	ISO 21569:2005/Amd 1:2013/Annex B1, B3 (*)

(*) Phương pháp được VILAS công nhận/ Method is accredited by VILAS.

Phụ trách phòng thử nghiệm/
Officer in charge of laboratory

ThS. Lương Sơn Tùng

TL. GIÁM ĐỐC/ PP. DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG/ HEAD OF DIVISION



Đoàn Thị Bội Hanh

1/ KẾT QUẢ NÀY CHỈ CÓ GIÁ TRỊ TRÊN MẪU THỬ/ THIS RESULT IS ONLY VALID ON TESTED SAMPLE.

2/ Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ The sample information is written as customer's request.

3/ Không được sao chép toàn bộ hoặc một phần kết quả này dưới bất kỳ hình thức nào nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của CASE/ No fully or partial of this result may be reproduced in any form without prior permission in writing from CASE.

TRỤ SỞ CHÍNH:
(9) 02 Nguyễn Văn Thủ, P. Đa Kao, Q. 1, TP. HCM
(t) 18001105
(s) (84.28) 3911 7216
(e) casehcm@case.vn

CN CẦN THƠ:
(9) F267 - F268, Đường số 6, KDC 586, P. Phú Thứ, Cái Răng, Cần Thơ
(t) (84.292) 3918216 - 217 - 218
(s) (84.292) 3918219
(e) support@case.com.vn, casecantho@case.vn

VP ĐẠI DIỆN MIỀN TRUNG:
(9) 5TH-2718, Đường 8E, KĐT Lê Hồng Phong II, P. Phước Hải, Nha Trang, Khánh Hòa
(t) (84.258) 246 5255
(s) (84.258) 246 5355
(e) vanphongmientrung@case.vn



Vietnam

Add value.
Inspire trust.

Phiếu kết quả thử nghiệm số VNT/F20/032196P4
Ngày 31/03/2020

Tên khách hàng : NHÀ MÁY SỮA ĐẬU NÀNH VIỆT NAM VINASOY – CHI NHÁNH
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG QUẢNG NGÃI
Số 02 Nguyễn Chí Thanh, Phường Quảng Phú, TP. Quảng Ngãi, Tỉnh
Quảng Ngãi, Việt Nam.

Ngày nhận mẫu : 24/03/2020 (11:30)

Nhiệt độ bề mặt của mẫu khi nhận : Nhiệt độ phòng

Mô tả tình trạng mẫu khi nhận : Mẫu dạng lỏng chứa trong hộp giấy kín nguyên vẹn

Thời gian thử nghiệm : 24/03/2020 – 31/03/2020

Tên mẫu : Sữa đậu nành Fami nguyên chất

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp	Kết quả	Giới hạn phát hiện
1.	Saccharine	mg/Kg	TPV-LAB-FTP-290 (HPLC)	Không phát hiện	10

*Ghi chú: Mẫu gửi không được lấy bởi Phòng thử nghiệm
Thông tin được cung cấp bởi khách hàng.
Thời gian lưu mẫu 1 tuần sau khi phát hành báo cáo thử nghiệm
Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử*

Kiểm tra

Hoàng Thị Hải Yến

Phó phòng thử nghiệm

Phê duyệt

Nguyễn Thị Chân

Trưởng phòng thử nghiệm

Lưu ý: Báo cáo thử nghiệm được tạo trên máy tính. Do đó chữ ký gốc không bắt buộc. Mọi thắc mắc về kỹ thuật, vui lòng liên hệ chị Chân qua email: chan.nguyen@tuv-sud.vn và nếu có khiếu nại, vui lòng liên hệ chị Thủy qua email: ngoc-thuy.ngo@tuv-sud.vn.

Lưu ý: (1) Các điều khoản và điều kiện chung như đã đề cập ở trên, (2) Các kết quả chỉ liên quan đến các hạng mục được kiểm tra, (3) Không được sao chép báo cáo thử nghiệm trừ trường hợp có sự chấp thuận bằng văn bản của phòng thí nghiệm.

Phòng thử nghiệm:
Công ty TNHH TUV SUD Việt Nam
Lô III-26, Đường 19/5A, Nhóm Công Nghiệp III,
KCN Tân Bình, Phường Tây Thanh,
Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Điện thoại: 084-8-6267 8506
Fax: 084-8-6267 8511
E-Mail: chan.nguyen@tuv-sud.vn
Websss: www.tuv-sud.vn

Văn phòng:
Công ty TNHH TUV SUD Việt Nam
Lô III-26, Đường 19/5A, Nhóm Công Nghiệp III,
KCN Tân Bình, Phường Tây Thanh,
Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.



Vietnam

Phiếu kết quả thử nghiệm số VNT/F20/032196P4

Ngày 31/03/2020

Các Điều Khoản và Điều Khoản Kinh Doanh Chung

I. Các điều kiện và điều khoản chung

- 1.1 Những điều khoản và điều kiện chung trong kinh doanh này được áp dụng cho tất cả các dịch vụ Thử nghiệm sản phẩm / Kiểm định / Chứng Nhận và những dịch vụ khác (gọi tắt là "các Dịch vụ") do TUV SUD cung cấp.
- 1.2 Khách hàng chấp nhận các điều kiện và điều khoản chung trong kinh doanh của TUV SUD và mức giá được được áp dụng tại thời điểm đặt hàng. Việc có sự khác biệt về các điều kiện và điều khoản kinh doanh của một số khách hàng cá nhân thì không ảnh hưởng đến hiệu lực của nội dung của các điều kiện và điều khoản chung.
- 1.3 Những thỏa thuận, hứa hẹn hay tuyên bố khác đi điều khoản này xuất phát từ nhân viên công ty TUV SUD hoặc các chuyên gia được ủy quyền chính thức bởi TUV SUD yêu cầu sẽ chỉ được xem là có tính ràng buộc nếu được TUV SUD xác nhận chính thức bằng văn bản. Điều này cũng được áp dụng với bất kỳ sự sửa đổi bổ sung nào của những điều kiện và điều khoản này.

2. Thực hiện hợp đồng và trách nhiệm của khách hàng

- 2.1 TUV SUD sẽ thực hiện các Dịch vụ theo trình tự và thủ tục vốn có của tập đoàn TUV SUD ngoại trừ những thỏa thuận khác bằng văn bản hoặc được pháp luật quy định. Trong những trường hợp này, TUV SUD không có trách nhiệm xác minh và giải trình tính chính xác của những chương trình và quy định an toàn vốn áp dụng cho những hoạt động thử nghiệm và giám định mà chúng tôi cung cấp cho khách hàng.
- 2.2 TUV SUD được quyền sử dụng các nhà thầu phụ trong việc thực hiện các đơn đặt hàng, chỉ khi điều này đã được thỏa thuận rõ ràng bằng văn bản.
- 2.3 Phạm vi các Dịch vụ do TUV SUD thực hiện sẽ được xác định rõ trong văn bản của đơn đặt hàng. Nếu có bất kỳ sự sửa đổi hoặc bổ sung trong phạm vi cung cấp dịch vụ được chỉ định trong nội dung phải thực hiện hợp đồng, những điều này phải được thỏa thuận rõ ràng trước bằng văn bản.
- 2.4 Khách hàng cần cung cấp những phụ kiện cần thiết, thông tin và / hoặc tài liệu cho các Dịch vụ, bao gồm các báo cáo thử nghiệm nội bộ của công ty hoặc nước ngoài, những thông số kỹ thuật của sản phẩm, hướng dẫn sử dụng sản phẩm. TUV SUD sẽ không tiến hành thực hiện các Dịch vụ cho tới khi tất cả các những phụ kiện cần thiết, thông tin hoặc tài liệu liên quan được cung cấp.
- 2.5 TUV SUD, trong quyền hạn cho phép của mình, có quyền không tiến hành các Dịch vụ và chấm dứt hiệu lực của thỏa thuận đã được ký với khách hàng trong trường hợp khách hàng đã không thực hiện đúng những điều kiện và điều khoản quy định trong văn bản này.

3. Thời hạn, trì hoãn hoặc không thực hiện dịch vụ

- 3.1 Thời hạn cho thực hiện hợp đồng được trích dẫn bởi TUV SUD sẽ chỉ ràng buộc nếu điều này đã được thỏa thuận rõ ràng bằng văn bản hoặc theo qui định của pháp luật.
- 3.2 TUV SUD sẽ không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ việc trì hoãn hoặc không thực hiện dịch vụ liên quan đến việc thực hiện hợp đồng do phát sinh từ bất kỳ nguyên nhân nào nằm ngoài sự kiểm soát của mình trừ trường hợp pháp luật qui định.
- 3.3 Trong trường hợp việc thực hiện hợp đồng của TUV SUD bị trì hoãn vì bất kỳ nguyên nhân nào nằm ngoài sự kiểm soát, TUV SUD sẽ có sự lựa chọn tự quyết như sau: (i) kéo dài thời gian thực hiện tự theo thời gian bị trì hoãn hoặc;

4. Sự đảm bảo

- 4.1 Sự bảo đảm bởi TUV SUD chỉ bao gồm các dịch vụ được quy định trong hợp đồng căn cứ rõ ràng dựa trên mục 2.1 của tài liệu này. Sự bảo đảm về thể sẽ không được áp dụng trong điều kiện được nêu trong những thỏa thuận khác bằng văn bản hoặc theo qui định của pháp luật. TUV SUD, bao gồm TUV SUD và các công ty con, sẽ không chịu bất kỳ trách nhiệm liên quan đến sự kiện xảy ra, chuyển từ nguyên vật liệu và xây dựng các nhà máy được kiểm tra trừ khi những vấn đề này được đề cập rõ ràng trong hợp đồng. Thêm chỉ nêu trường hợp này xảy ra trong thời hạn bảo đảm và trách nhiệm pháp lý của nhà sản xuất sẽ không bị hạn chế cũng như giá trị hợp đồng theo qui định của pháp luật.
- 4.2 Bất kỳ hình thức bảo đảm nào được cung cấp bởi TUV SUD, sẽ được vô hiệu hóa chế trong việc tiến hành dịch vụ bổ sung vốn cần một khoản tiền phạt hợp lý để hoàn thành được những bảo đảm bằng văn bản và được đồng ý bởi khách hàng hoặc theo qui định của pháp luật. Trong trường hợp dịch vụ bổ sung được tiến hành thì bại, vi lý do không khác thì hoặc không được khách hàng chấp thuận, hoặc bị từ chối hay qua hạn bởi TUV SUD, khách hàng được phép trong quyền hạn và sự cân nhắc của mình, để thỏa hiệp trong việc giảm giá hay hủy bỏ hợp đồng.
- 4.3 TUV SUD cam đoan sẽ áp dụng chính sách quan tâm chăm sóc hợp lý và chu đáo trong việc cung cấp các Dịch vụ để đáp ứng theo yêu cầu. Tất cả công tác bảo hành của TUV SUD từ lúc này gián tiếp không được đề cập tại đây, đều được áp dụng theo chính sách đã đề ra trong tài liệu này.
- 4.4 Khách hàng đảm bảo rằng tất cả các thông tin và / hoặc tài liệu cung cấp cho TUV SUD là chính xác và đúng đắn tất cả các phương diện và sẽ bồi thường theo qui định pháp luật hiện hành cho TUV SUD cho tất cả những mất mát và thiệt hại phát sinh từ các Dịch vụ gây ra bởi những thông tin bị sai và / hoặc những tài liệu được cung cấp bởi khách hàng.

5. Trách nhiệm pháp lý

- 5.1 Trừ khi được pháp luật qui định, TUV SUD chỉ chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại - bất kể trong phạm vi có sự pháp lý của mình - trong trường hợp TUV SUD đã gây ra bất kỳ thiệt hại là hậu quả của một hành vi cố ý hoặc cố ý không cần thận hoặc TUV SUD đã vi phạm một trong những nghĩa vụ thực hiện hợp đồng trong yếu ("nghĩa vụ quan trọng"). Trong những trường hợp này, TUV SUD chỉ chịu trách nhiệm đối với các thiệt hại liên quan và thường có thể được dự đoán có thể trong hợp đồng tại thời điểm giao kết hợp đồng.
- 5.2 Trong quá trình lưu giữ hợp lý sản phẩm thiết bị của khách hàng, trừ khi được thỏa thuận khác trong hợp đồng hoặc pháp luật có qui định ngược lại, TUV SUD sẽ không chịu trách nhiệm trong bất kỳ tình huống mất mát hay hư hỏng trong quá trình vận chuyển hoặc quá trình lưu giữ của TUV SUD từ trường hợp do lỗi hoặc sơ suất của TUV SUD. Khách hàng cần sắp xếp cho việc mua bảo hiểm cần thiết phòng trường hợp mất mát hoặc thiệt hại do quá trình vận chuyển hoặc tại TUV SUD.
- 5.3 Trừ khi có văn bản yêu cầu gửi lại sản phẩm thiết bị vào thời điểm khách hàng giao cho TUV SUD thử nghiệm hoặc thỏa thuận cung cấp các dịch vụ thử nghiệm nhanh để trả lại các sản phẩm thiết bị, thì tất cả các sản phẩm thiết bị đã cung cấp cho TUV SUD thử nghiệm sẽ bị tiêu hủy sau 1 tháng kể từ ngày thử nghiệm và khách hàng đồng ý chấp nhận nguyên tắc này.
- 5.4 Trừ khi được pháp luật qui định, TUV SUD sẽ không chịu trách nhiệm cho bất kỳ thiệt hại gây ra như là hậu quả của một vi phạm bất cứ trong việc hoàn thành thực hiện một trong những nghĩa vụ hợp đồng không trong yếu.
- 5.5 Trừ khi được pháp luật qui định, "nghĩa vụ hợp đồng tương tự" là những nghĩa vụ bảo vệ quyền lợi hợp pháp của khách hàng được cho là quan trọng trong một hợp đồng, dựa trên nội dung và mục đích của nó, hợp đồng phải quy định chi tiết những điều khoản này được cung cấp cho khách hàng, hơn nữa, những nghĩa vụ hợp đồng trong yếu này phải được xem như điều kiện tiên quyết để thực hiện đúng hợp đồng và dựa trên sự tuân thủ của khách hàng phần lớn đã hoặc có thể cần có vào.
- 5.6 Trừ khi pháp luật có qui định, TUV SUD không chịu trách nhiệm cho mọi tổn thất bất ngờ, gián tiếp, đặc biệt hoặc hư hại nhân, bao gồm, nhưng không giới hạn đến tổn thất của doanh thu, lợi nhuận, hợp đồng, kinh doanh hoặc tiết kiệm dự tính, hoặc tổn thất uy tín.

hoặc danh tiếng, cho dù có thể dự đoán trước hay không xuất phát từ bất kỳ hành động hoặc thiếu sót do một phần của TUV SUD trong quá trình cung cấp các Dịch vụ.

- 5.7 Bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào khiếu nại theo quy định của tài liệu này có thể thông báo cho TUV SUD, và bất kỳ tổn thất tiềm ẩn mà TUV SUD có thể chịu trách nhiệm pháp lý.

5.8 Nếu những khiếu nại và thiệt hại chống lại TUV SUD đã được loại trừ hoặc giới hạn, điều này sẽ dẫn đến sự mở rộng thời hạn ràng buộc pháp lý cá nhân liên quan đến những cơ quan tố tụng, những chuyên gia, nhân viên liên quan, những tổ chức giám sát hoặc những nhân viên hỗ trợ trực tiếp của TUV SUD đối với cùng khiếu nại / khiếu nại đã được đề cập trong cùng quan hệ pháp luật.

5.9 Tổng số tiền dân bù đắp của TUV SUD trả cho khách hàng dựa trên hoặc liên quan đến thỏa thuận về các Dịch vụ và / hoặc sai lầm cá nhân (bỏ cả sơ suất) trong mọi trường hợp (trừ từ trường hợp hoặc thương tích cá nhân xuất phát từ sự sơ suất của TUV SUD) sẽ không được vượt quá số tiền lệ phí khách hàng chi trả cho TUV SUD đối với các Dịch vụ.

II. Điều khoản về thanh toán, mức giá

- 6.1 Trừ khi một mức giá có định hay sự tính toán có sẵn đã được đồng ý một cách rõ ràng trên hợp đồng, dịch vụ sẽ được tính theo giá của TUV SUD có giá trị tại thời điểm ký kết hợp đồng. Trong trường hợp không có một kế hoạch hiệu lực của giá cả, điều khoản hợp đồng phải được sử dụng ý trên cơ sở tổng trường hợp cụ thể.

Nếu trong khoảng thời gian dài hơn 4 tháng từ lúc ký hợp đồng cho đến lúc TUV SUD hoàn thành hợp đồng xảy ra sự gia tăng giá, mức giá sẽ được sửa đổi trên cơ sở tính toán của tháng thứ 5.

6.2 Những khoản tiền ứng trước có thể được yêu cầu thanh toán theo tỷ lệ và / hoặc tổng phần của hoá đơn bao gồm các dịch vụ đã được thực hiện. TUV SUD không có trách nhiệm trả hóa đơn từng phần theo tiến trình công việc. Việc nhận được một hóa đơn không có nghĩa là khách hàng đã hoàn thành chi trả cho TUV SUD.

6.3 Đối với những khách hàng không có thỏa thuận công nợ cùng TUV SUD thì phải thanh toán trước. Đối với những khách hàng mà TUV SUD có thỏa thuận công nợ, hóa đơn sẽ được phát hành khi một công việc được hoàn thành và khách hàng phải thanh toán cho TUV SUD trong vòng ba mươi ngày kể từ ngày hóa đơn được xuất.

6.4 Khách hàng đồng ý bổ sung và trả phí cho TUV SUD đối với tất cả các loại thuế, các khoản thuế và nghĩa vụ lệ phí, nhưng không giới hạn, thuế hàng hóa và dịch vụ (Thuế giá trị gia tăng - VAT) hoặc thuế nhà thầu nước ngoài mà TUV SUD có nghĩa vụ nộp trong quá trình cung cấp dịch vụ cho khách hàng.

6.5 Cho bất kỳ sự từ chối hóa đơn đều phải được thông báo bằng văn bản từ TUV SUD trong vòng 14 ngày sau khi nhận được hóa đơn, và trình bày lý do cụ thể.

6.6 Khi khách hàng quyết định hủy hủy yêu cầu dịch vụ (mà không phải là dịch vụ kiểm toán), khách hàng chỉ có thể thực hiện bằng cách gửi một thông báo bằng văn bản đến TUV SUD. Trong trường hợp TUV SUD nhận được văn bản yêu cầu hủy dịch vụ trong thời hạn ba ngày làm việc sau khi các nghĩa vụ của dịch vụ thì khách hàng sẽ phải chịu phí đối với tất cả các dịch vụ đã được thực hiện trước khi có thông báo hủy hoặc từ chối yêu cầu dịch vụ như nêu trên, và trong trường hợp ngược lại. Nếu TUV SUD không nhận được bất kỳ thông báo bằng văn bản nào về việc hủy hoặc từ chối dịch vụ như vậy trong thời hạn đã được qui định, khách hàng đồng ý sẽ thanh toán cho toàn bộ phí dịch vụ như hợp đồng qui định.

6.7 Đối với dịch vụ kiểm toán, bất kỳ yêu cầu nào về việc hủy bỏ hay từ chối thanh toán phải được thông báo cho TUV SUD trong thời hạn sáu tuần trước khi thanh toán đã được thực hiện. Khách hàng sẽ phải chịu phí đối với tất cả các dịch vụ đã được thực hiện trước khi có thông báo hủy hoặc từ chối yêu cầu dịch vụ như nêu trên, và trong trường hợp ngược lại. Nếu TUV SUD không nhận được bất kỳ thông báo hủy hoặc từ chối yêu cầu dịch vụ như vậy trong thời hạn đã được qui định, khách hàng đồng ý sẽ thanh toán cho toàn bộ phí dịch vụ như hợp đồng qui định.

7. Bảo mật, bản quyền, bảo vệ dữ liệu

7.1 TUV SUD được quyền sao chép và lưu giữ các tài liệu liên quan đến dịch vụ thử nghiệm, đây là điều cần thiết cho việc thực hiện đơn hàng.

7.2 Như ý kiến của các chuyên gia, báo cáo đánh giá và những kết quả thử nghiệm từ đã được bảo hộ bản quyền vốn được đề cập trong phạm vi hợp đồng dịch vụ, TUV SUD sẽ cấp cho khách hàng một quyền sử dụng (không có tính chất chuyển giao) trong trường hợp việc này được yêu cầu như một mục đích cơ bản trong hợp đồng. Việc chuyển giao bản quyền một cách rõ ràng này sẽ không bao gồm việc chuyển giao mọi quyền khác; khách hàng, trong trường hợp đặc biệt, sẽ không được quyền thay đổi (quy trình) hoặc sử dụng các ý kiến chuyên gia, các báo cáo đánh giá và kết quả thử nghiệm, các thông tin liên quan và những dữ liệu trong tư ngoài mục đích kinh doanh khác.

7.3 Nhân viên TUV SUD, và các chuyên gia kỹ sư do TUV SUD mời công tác (khi chưa có sự đồng ý) sẽ không được phát tiết hoặc sử dụng bất kỳ thông tin bí mật của khách hàng mà họ đã nắm rõ trong suốt quá trình tác nghiệp, điều khoản này không áp dụng cũng như không có tính ràng buộc và mật nghĩa vụ pháp lý và bảo mật thông tin dành cho TUV SUD đối với những trường hợp thông tin liên quan được cung cấp cho TUV SUD và khi thỏa thuận kỹ, hoặc đã được sử dụng phát tiết trong công đồng, hoặc đã được nhận được từ bên thứ ba, là bên không có bất kỳ nghĩa vụ bảo mật thông tin hoặc những người không có được thông tin một cách bí mật, hoặc những thông tin được hình thành và phát triển độc lập bởi TUV SUD mà không cần tham khảo đến các thông tin bí mật được tiết lộ.

8. Quyền lưu giữ

Ngoài bất kỳ quyền lưu giữ mà TUV SUD được có theo luật định, TUV SUD có quyền lưu giữ chứng đối với tất cả các sản phẩm thiết bị bị chuyển giao theo yêu cầu của Dịch vụ theo thỏa thuận, hợp đồng giữa TUV và khách hàng.

9. Bồi thường

Ngoài những trường hợp được xác định nguyên nhân do sơ suất của TUV SUD, thì khách hàng có trách nhiệm bồi thường cho TUV SUD phù hợp với qui định pháp luật đối với tất cả các tổn thất hoặc hư hại, phí tổn và các chi phí phát sinh mà TUV SUD phải chi trả do khiếu nại bởi bất kỳ bên thứ ba như là kết quả của việc cung cấp các Dịch vụ (bao gồm những trường hợp hạn chế do việc sử dụng không đúng cách của các báo cáo kiểm tra, cung cấp thông tin và / hoặc tài liệu không chính xác cho TUV SUD hoặc bất kỳ khiếu nại nào của bên thứ ba về hành vi xâm phạm hoặc sơ suất từ tư và / hoặc đề lộ thông tin và / hoặc về việc chuyển giao các tài liệu hoặc sản phẩm thiết bị).

10. Hào tòa

Trong trường hợp bất kỳ nhân viên nào của TUV SUD được yêu cầu bởi khách hàng hoặc bị tòa án triệu tập theo đơn của khách hàng hoặc các bên liên quan khác cho sự tham dự của nhân viên trong phiên tòa như một nhân chứng chuyên gia cho những vấn đề liên quan đến các Dịch vụ được cung cấp, khách hàng đồng ý và phải trả phí cho TUV SUD về việc tham dự phiên tòa này dựa trên mức phí hiện hành được khách hàng xác nhận đồng ý bằng văn bản của TUV SUD cho việc tham dự phiên tòa. TUV SUD lưu giữ quyền quyết định chính mức phí của mình đối với vấn đề này theo thời gian.

11. Luật Pháp

11.1 Thỏa thuận cho các Dịch vụ sẽ được điều chỉnh và thiết lập theo quy định của pháp luật Việt Nam.

11.2 TUV SUD và khách hàng đồng ý tuân theo thẩm quyền xét xử của Tòa án Việt Nam.

12. Hiệu lực của thỏa thuận

12.1 Nếu bất kỳ các điều khoản và điều kiện của thỏa thuận này không hợp lệ hoặc không thể thi hành với bất kỳ lý do nào, thì sẽ không ảnh hưởng đến tính hợp lệ hoặc việc thi hành của phần còn lại của các điều khoản và điều kiện đã thỏa thuận.

Có hiệu lực: Ngày 21 Tháng 1 Năm 2016 (Công ty TNHH TUV SUD Việt Nam)
Tài bản 7



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TP. HỒ CHÍ MINH
DEPARTMENT OF SCIENCE AND TECHNOLOGY

TRUNG TÂM DỊCH VỤ PHÂN TÍCH THÍ NGHIỆM TP. HỒ CHÍ MINH
CENTER OF ANALYTICAL SERVICES AND EXPERIMENTATION HCMC



Mã số mẫu/ Sample code
BN31910.23150728
MM31910.231507283

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

BMKD 03/1 - LBH 01
Ngày/ Date: 04/11/2019

Tên khách hàng/ Customer : NHÀ MÁY SỮA ĐẬU NÀNH VIỆT NAM VINASOY - CN CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG QUẢNG NGÃI

Địa chỉ/ Address : 02 NGUYỄN CHÍ THANH, PHƯỜNG QUẢNG PHÚ, THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI, VIỆT NAM

Tên mẫu/ Name of sample : SỮA ĐẬU NÀNH FAMI NGUYÊN CHẤT

Số lượng/ Quantity : 1

Tình trạng mẫu/ Sample description : Mẫu dạng lỏng được đóng trong bao bì kín.

Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 23/10/2019

Ngày hẹn trả KH/ Date of issue : 30/10/2019

STT/ No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Đơn vị tính/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp/ Test method
1	Dietary fiber	mg/100ml	158	CASE.NS.0030 (Ref.AOAC 991.43) (*)

(*) Phương pháp được VILAS công nhận/ Method is accredited by VILAS.

Phụ trách phòng thử nghiệm/
Officer in charge of laboratory

Trần Đình Hiệp

TL.GIÁM ĐỐC/ PP.DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG/ HEAD OF DIVISION



Lý Tuấn Kiệt

1/ KẾT QUẢ NÀY CHỈ CÓ GIÁ TRỊ TRÊN MẪU THỬ/ THIS RESULT IS ONLY VALID ON TESTED SAMPLE.
2/ Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ The sample information is written as customer's request.
3/ Không được sao chép toàn bộ hoặc một phần kết quả này dưới bất kỳ hình thức nào nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của CASE/
No fully or partial of this result may be reproduced in any form without prior permission in writing from CASE.

TRỤ SỞ CHÍNH

91 02 Nguyễn Văn Thủ, P. Đa Kao, Q. 1, TP. HCM
☎ 18001105
☎ (84.28) 3911 7216
✉ casehcm@case.vn

CN CẦN THƠ

91 F267-F268, Đường số 6, KDC 586, P. Phú Thứ, Cái Răng, Cần Thơ
☎ (84.292) 3918216 - 217 - 218
☎ (84.292) 3918219
✉ support@case.com.vn, casecantho@case.vn

VP ĐẠI DIỆN MIỀN TRUNG

91 STH2718, Đường 8E, KĐT Lê Hồng Phong II, P. Phước Hải, Nha Trang, Khánh Hòa
☎ (84.258) 246 5255
☎ (84.258) 246 5355
✉ vanphongmientrung@case.vn